TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4-2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Trần Văn Phùng
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2018/TLST-HN ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HN ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1984; Trú tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt không lý do).

3. Người làm chứng cho nguyên đơn: Chị Bùi Thị Phúc E, sinh năm 1990. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Cúc trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành Đ do quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do gia đình chồng khó khăn nhưng anh Đ không quan tâm, không chăm sóc

vợ con, anh Đ thường xuyên gây áp lực về tinh thần với chị, do chị không chịu đựng được nữa nên đã về quê chị sinh sống và anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay chị xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Trong thời gian sống chung anh chị có một con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09-7-2017. Hiện nay, cháu T đang sống với anh Đ. Khi ly hôn trong đơn chị yêu cầu được tiếp nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nay chị đồng ý để con cho anh Đ nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị C quen nhau khoảng gần 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Qúa trình chung sống thì vợ chồng cũng có cự cãi nhưng rất ít, việc xích mích với gia đình chồng là không đáng kể, chỉ có tranh cãi về việc ăn uống trong nhà. Chị C xin ly hôn thì anh không ý kiến vì anh còn thương vợ, anh có năn nỉ chị C về nhưng chị không chịu về nên anh để chị C muốn làm thế nào thì tùy chị C.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/7/2017. Anh yêu cầu được tiếp nuôi con không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể anh Nguyễn Thành Đạt vắng mặt các lần tòa án mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị C. Chị C được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ, con

chung anh Đ nuôi cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 09-7-2017, chị C không phải cấp nuôi con do anh Đ không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"*.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 01- 11-2018 xác nhận anh Nguyễn Thành Đ hiện đang sinh sống và có mặt tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Nguyễn Thành Đ đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đạt là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị C, chị C cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do do gia đình chồng khó khăn nhưng anh Đ không quan tâm, không chăm sóc vợ con, anh Đ thường xuyên gây áp lực về tinh thần với chị, do chị không chịu đựng được nữa nên đã về quê chị sinh sống và anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Trong khi đó, anh Nguyễn Thành Đ cho rằng trong thời gian chung sống thì vợ chồng cũng có cự cãi nhưng rất ít, việc xích mích với gia đình chồng là không đáng kể, chỉ có tranh cãi về việc ăn uống trong nhà. Chị C xin ly hôn thì anh không ý kiến vì anh còn thương vợ, anh có năn nỉ chị C về nhưng chị không chịu về nên anh để chị C muốn làm thế nào thì tùy chị C. Anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong hồ sơ vụ án và hòa giải; nhưng anh Đạt vắng mặt không lý do. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh

nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị C và anh Đ thì mẹ anh Đ là bà Nguyễn Thị Thảo T cho biết trong thời gian sống chung thì chị C và anh Đ cũng thường hay cãi nhau, chị C hay hỗn với gia đình chồng, Trưởng ấp Đ cho rằng chị C và anh Đ có mâu thuẫn và chị C đã về nhà mẹ ruột sinh sống, tại phiên tòa người làm chứng chị Bùi Thị Phúc E cho rằng hôn nhân của chị C và anh Đ mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị C và anh Đ là có thật. Tòa án đã triệu tập anh Đạt nhiều lần đến để hòa giải nhưng anh Đạt không đến, anh Đ không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh Đ là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hôn nhân chị C và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị C là có căn cứ.

[4] *Về con chung*: Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/7/2017. Chị C để con cho anh Đ nuôi, chị không cấp dưỡng. Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, anh Đạt đang trực tiếp nuôi cháu T nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu T nên để cháu T cho anh Đ nuôi là phù hợp. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Chị C và anh Đ thống nhất không có nên không không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị C và anh Đ thống nhất không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Cúc phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a, khoản 1, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị C.

Chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09-7-2019 chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị C phải nộp án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000310 ngày 13-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên ám,, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre (1b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);*
- *UBND xã T, huyện B;*
(số 19 ngày 15-4-2016)(01b);
- *Các đương sự (2b);*
- *Lưu: Hồ sơ, VP (2b*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên